

NHỮNG GIẢI PHÁP ĐỒNG BỘ NHẪM NÂNG CAO GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU CÀ PHÊ VIỆT NAM

Trong nhiều năm qua, cà phê đã trở thành một hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của VN, mỗi năm đem lại cho đất nước nguồn thu ngoại tệ từ 500 - 600 triệu USD, làm giảm thâm hụt cán cân thương mại của quốc gia. Cà phê cũng tạo việc làm cho một đông người lao động với thu nhập không ngừng tăng lên, đời sống được cải thiện, nhiều người trở nên giàu có. Song diễn biến giá cả cà phê trong hơn 1 năm qua, đặc biệt là hiện đang hết sức đáng lo ngại cho cả người sản xuất, chế biến tiêu thụ cà phê và cả nhà đầu tư, cho vốn. Niên vụ 1999 - 2000, cà phê xuất khẩu được 686.000 tấn cà phê, tăng 69% so với niên vụ trước. Nhưng do giá cà phê giảm nên tổng kim ngạch xuất khẩu của số cà phê nói trên chỉ tăng 4,7% so với niên vụ 1998 - 1999.

1. Tổng quan thị trường tiêu thụ và giá xuất khẩu

Dựa vào các yếu tố có tính quyết định là cung, cầu, dự trữ và sự biến động của giá để có thể nhìn về bức tranh toàn cảnh tình hình thị trường xuất khẩu cà phê.

Tiếp theo vụ cà phê 1998 - 1999, sản lượng toàn thế giới tiếp tục tăng cao đã làm cung vượt cầu. Theo số liệu thống kê thì sản lượng cà phê toàn thế giới niên vụ 1999 - 2000 đã đạt mức 111,58 triệu bao (60 kg/bao), tăng 4,29 triệu bao so với niên vụ trước 1998 - 1999: 107,21 triệu bao. Trong đó sản lượng cà phê arabica: 73,14 triệu bao và cà phê robusta: 38,44 triệu bao. Trong khi đó nhu cầu tiêu thụ của thị trường thế giới chỉ ở mức 103 triệu bao. Riêng sản lượng cà phê của VN niên vụ hiện nay đạt mức khoảng 9,5 - 10 triệu bao, tương đương 600.000 tấn, chưa kể lượng tồn kho của niên vụ trước còn lại. Như vậy sẽ vượt sản lượng của Colombia và VN trở thành nước sản xuất cà phê lớn thứ 2 trên thế giới, chỉ sau Brazil. Con số này rất có ý nghĩa thể hiện sự trưởng thành vượt bậc của ngành cà phê VN. Điều đó càng cho thấy cần có quan tâm thỏa đáng đối với ngành cà phê, nếu không có ảnh hưởng lớn đến đời sống nông dân, các nhà ngân hàng cho vay và nguồn thu ngoại tệ của đất nước.

Về diễn biến giá xuất khẩu cà phê đã có một xu hướng giảm liên tục, bình quân giá xuất khẩu cà phê của VN quý IV/1999 FOB cảng TP.HCM 1.038 USD/tấn, sang quý I/2000 còn 859 USD/tấn, quý II/2000 còn 717 USD/tấn và quý III/2000 giá tiếp tục giảm đứng ở mức hơn 625 USD/tấn. Trong đó có tháng giá xuất khẩu cà phê xuống thấp chỉ còn 590 USD/tấn và hiện nay chỉ còn 550 - 560 USD/tấn.

Việc giá cà phê giảm liên tục, mặc dầu có dự báo nhưng cũng đã gây cho các nhà sản xuất và kinh doanh nhiều khó khăn:

- Đối với người trồng cà phê khi giá xuất khẩu giảm, giá trong nước cũng hạ từ 11.100 đ/kg đầu vụ đến cuối vụ còn 7.000 - 8.000 đ/kg, nhiều người giữ lại cà phê không bán để chờ giá lên, giá lại tiếp tục hạ dần dần đến thất thu cà phê tồn kho, vốn cho vay bị đọng ảnh hưởng đến việc tiếp tục đầu tư cho sản xuất và tiêu dùng.

- Đối với doanh nghiệp, việc xuất khẩu ô ạt cà phê làm tăng nguồn cung đã gây nên bất lợi về giá. Mặt khác lượng tồn kho lớn do mua tập trung từ đầu vụ phải chịu lãi suất ngân hàng ngày càng lớn và giá xuống đã gây khó khăn về tài chính cho nhiều doanh nghiệp dẫn đến nhiều doanh nghiệp bị lỗ.

- Đối với các ngân hàng cho vay, vốn bị đọng tại các hộ

trồng cà phê và doanh nghiệp kinh doanh cà phê, nợ quá hạn phát sinh, vốn không thu hồi được để cho vay tiếp, nợ bị treo không thu được, thu nhập giảm.

- Đối với quốc gia giảm đi một nguồn thu ngoại tệ rất lớn, giảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, thị trường tiêu thụ cà phê bị thu hẹp, uy tín cà phê VN trên thị trường thế giới bị giảm sút.

Giá cà phê hiện nay ở mức thấp, bất lợi cho cả sản xuất và kinh doanh, ảnh hưởng về nhiều mặt đời sống xã hội. Tình hình này đòi hỏi có sự tác động từ nhiều phía cả nhà nước và các doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn và đầu tư kinh doanh có hiệu quả.

2. Tổ chức thu mua và tiêu thụ sản phẩm cà phê niên vụ 1999 - 2000

Theo số liệu thống kê thì niên vụ 1999 - 2000 (từ 1.10.1999 - 30.9.2000) toàn tỉnh Daklak, địa phương sản xuất và xuất khẩu cà phê lớn nhất chiếm 70% sản lượng của cả nước, thì đã thu mua được 398.681 tấn cà phê nhân, tăng 65% so với niên vụ 1998 - 1999 (241.398 tấn); trong đó: cà phê mua tại địa phương 364.395 tấn (vụ 98 - 99 chuyển sang: 868,24 tấn). Cà phê mua ở ngoài tỉnh: 34.286 tấn.

Trong niên vụ 1999 - 2000 toàn tỉnh Daklak có khoảng 60 đơn vị kinh doanh cà phê, bao gồm 20 đơn vị xuất khẩu trực tiếp cà phê và 40 doanh nghiệp kinh doanh theo hình thức ủy thác, kinh doanh nội địa. Nhìn chung trong niên vụ này các đơn vị kinh doanh cà phê đã tập trung được nguồn hàng lớn cho xuất khẩu cà phê tiêu thụ trong nước. Mạng lưới thu mua được trải khắp trên địa bàn các huyện, thành phố đã thu mua hầu hết sản lượng hàng hóa và cà phê trong dân, đồng thời mở rộng địa bàn thu mua sang Lâm Đồng, Đồng Nai, để tập trung nguồn hàng cho xuất khẩu.

3. Tổ chức tiêu thụ sản phẩm

Về xuất khẩu, giá cả thị trường cà phê thế giới và trong nước như đã nêu trên đã ảnh hưởng lớn đến công tác xuất khẩu. Mặc dù vậy niên vụ 1999 - 2000, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Daklak đã xuất khẩu được 324.712 tấn cà phê nhân, đạt trị giá xấp xỉ 267,077 triệu USD với giá xuất khẩu bình quân là 823 USD tấn.

Như vậy trong niên vụ này so với niên vụ trước, số lượng cà phê xuất khẩu tăng 43,7% (tương ứng với 98.729 tấn) nhưng giá cả cà phê xuất khẩu bình quân thì giảm 40% (tương ứng với 546 USD/tấn) và kim ngạch xuất khẩu giảm 13,67% (tương ứng với 42,376 triệu USD). Đây là niên vụ thứ 2 kim ngạch xuất khẩu tiếp tục giảm so với niên vụ trước.

Niên vụ	Số lượng xuất khẩu (tấn)	Trị giá xuất khẩu (tr.USD)	Giá xuất khẩu bình quân (USD/tấn)
1995 - 1996	82.854	146.300	1.765
1996 - 1997	152.878	187.500	1.225
1997 - 1998	211.199	323.200	1.530
1998 - 1999	225.983	309.500	1.370
1999 - 2000	324.712	267.077	823

Tuy trong tình hình thị trường thế giới diễn biến không thuận lợi về giá cả, các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, nhưng có thể nói kết quả đạt được như trên là sự cố gắng trong công tác chỉ đạo điều hành sản xuất và kinh doanh. Tình hình xuất khẩu vụ vừa qua cũng cho thấy kết quả kim ngạch xuất khẩu sẽ cao hơn nếu khâu chất lượng hàng hóa xuất khẩu tốt hơn.

Về tiêu thụ trong nước: đạt 44.176 chiếm 12% trong tổng số tiêu thụ.

Theo số liệu báo của 18 doanh nghiệp, số lượng cà phê ở Daklak tồn kho đến ngày 1.10.2000 là 29.793 tấn.

Về thị trường xuất khẩu, trong niên vụ vừa qua, thị trường xuất khẩu cà phê của VN vẫn ổn định, cùng có và mở rộng, phần lớn các nước nhập khẩu cà phê lớn trên thế giới đều đã mua cà phê của Daklak và một số tỉnh khác ở Tây Nguyên. Điều này có giúp cho các doanh nghiệp tiếp cận và bán thẳng vào các thị trường lớn.

Tuy nhiên cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các doanh

ngành xuất khẩu để tránh hiện tượng tranh bán, vì tại một thời điểm có nhiều doanh nghiệp cùng chào bán cho cùng một khách hàng sẽ bị khách hàng ép giá, làm giảm hiệu quả xuất khẩu.

Niên vụ 1999 - 2000 chỉ riêng tỉnh Daklak đã xuất khẩu cà phê qua 45 nước và lãnh thổ trên thế giới so với con số của cả nước xuất khẩu qua 54 nước, tăng 8 nước so với niên vụ trước. Trong đó có 10 nước chiếm tỷ trọng trên 86%, gồm:

Mỹ	: 74.763 tấn, chiếm 23,02%, tăng 135% so với vụ trước
Thụy Sĩ	: 49.270 tấn, chiếm 15,17% tăng 48%
Đức	: 39.630 tấn, chiếm 12,20%, tăng 44,8%
Singapore	: 24.774 tấn, chiếm 7,63%, tăng 20%
Nhật Bản	: 20.522 tấn, chiếm 6,32%, tăng 20,7%
Hà Lan	: 18.646 tấn, chiếm 5,74%, tăng 28,7%
Ý	: 18.014 tấn, chiếm 5,55%, tăng 24,7%
Pháp	: 14.251 tấn, chiếm 4,39%, tăng 41%
Tây Ban Nha	: 13.148 tấn, chiếm 4,05%, tăng 67,8%
Anh	: 8.307 tấn, chiếm 2,56%, giảm 45%

Tình hình trên cho thấy thị trường xuất khẩu của VN nói chung và Daklak nói riêng vẫn được ổn định và vẫn giữ được thị trường truyền thống. Có thể nói các doanh nghiệp xuất khẩu của tỉnh Daklak chiếm hầu hết thị trường xuất khẩu cà phê (83,3%), đó là ưu thế nếu tổ chức tốt hơn thì có thể điều tiết tốt thị trường cà phê của cả nước.

4. Cung ứng vốn vay của ngân hàng

Cây cà phê được coi là chủ lực trong cơ cấu kinh tế của các tỉnh ở Tây Nguyên. Vì vậy nhu cầu vốn vay ngân hàng của các doanh nghiệp và nhân dân để sản xuất và kinh doanh cà phê chiếm tỷ trọng rất cao so với các đối tượng vay vốn khác. Theo tổng hợp chung của ngành ngân hàng, hàng năm tỷ trọng cho vay đối với ngành nông - lâm nghiệp chiếm bình quân từ 70 đến 75% trên tổng dư nợ, trong đó tỷ trọng cho vay riêng đối với cà phê kể cả đầu tư cho sản xuất và cho vay kinh doanh bình quân chiếm khoảng 60 đến 70%. Có thể nói vốn tín dụng ngân hàng ở một số tỉnh Tây Nguyên tập trung phần lớn đầu tư cho ngành cà phê.

Trong niên vụ 1998 - 1999, chỉ riêng các ngân hàng ở Daklak có tổng doanh số cho vay đối với cà phê là 4.420 tỷ đồng trong đó cho vay thu mua là 3.711 tỷ, sản xuất là 709 tỷ đồng. Đến cuối niên vụ (30.9.1999) dư nợ ngân hàng còn 797 tỷ đồng. Trước tình hình giá cà phê giảm nên nhiều doanh nghiệp đã dự trữ cà phê chờ giá tăng nên đến cuối niên vụ (30.9.1999) dư nợ cho vay ngân hàng thu mua cà phê còn 285 tỷ đồng.

Bước sang niên vụ cà phê 1999 - 2000, so với niên vụ 1998 - 1999, sản lượng cà phê toàn tỉnh có tăng nhưng tình hình giá cà phê tiếp tục biến động giảm làm cho các doanh nghiệp và nhân dân sản xuất kinh doanh cà phê gặp rất nhiều khó khăn, vì lượng cà phê tồn kho lớn, lỗ do giá thành cao hơn giá bán. Tổng doanh số cho vay của các ngân hàng ở Daklak trong niên vụ này đối với sản xuất là 1.513 tỷ đồng, doanh số cho vay thu mua - xuất khẩu 3.128 tỷ đồng.

Dư nợ cho vay cà phê cuối niên vụ (31.9.2000) trên toàn địa bàn đạt 2.108 tỷ, chiếm 58% tổng dư nợ toàn địa bàn, trong đó dư nợ cho vay sản xuất là 1.231 tỷ, dư nợ cho vay thu mua 876 tỷ đồng. Sau khi Chính phủ có công văn 906 và Thông đốc ngân hàng nhà nước có công văn 320 chỉ đạo ngành ngân hàng địa phương về việc giãn nợ và tiếp tục cho vay mới đối với các doanh nghiệp, các hộ sản xuất kinh doanh cà phê, chi nhánh Ngân hàng nhà nước đã chỉ đạo các NHTM trên địa bàn triển khai kịp thời việc gia hạn nợ và tiếp tục cho vay chi phí sản xuất vụ mới đối với các doanh nghiệp và hộ sản xuất để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

Về giãn nợ cà phê: cho đến cuối tháng 9.2000 số nợ được gia hạn thêm đối với cà phê là 751 tỷ đồng, trong đó giãn nợ cho các doanh nghiệp là 521 tỷ và giãn nợ cho các hộ sản xuất là 230 tỷ với 9.850 hộ. Tính đến nay, số lãi chưa thu (lãi treo) của các đối tượng sản xuất kinh doanh cà phê mà chủ yếu là của các doanh nghiệp nhà nước đã lên đến hơn 26 tỷ đồng.

Trước tình hình giá cà phê giảm liên tục, gây bất lợi cho cả

người sản xuất và các đơn vị xuất khẩu; đồng thời ngành ngân hàng cũng gặp rất nhiều khó khăn về vốn bị đọng không thu được, lãi phải treo, các giải pháp để tháo gỡ khó khăn cho cả nhà sản xuất, nhà xuất khẩu, và ngân hàng, đã được đưa ra là:

- Thủ tướng Chính phủ đã quyết định hỗ trợ vốn và lãi suất để dự trữ 60.000 tấn cà phê nhằm giảm áp lực bán ra để tăng giá bán trên thị trường. Cụ thể là Chính phủ sẽ hỗ trợ phần lãi suất vốn vay ngân hàng cho các doanh nghiệp tạm trữ số cà phê nói trên. Song một điều đang diễn ra hết sức lo ngại là giá cà phê trên cả thị trường quốc tế và ở trong nước lại tiếp tục giảm thấp. Khi Thủ tướng có quyết định nói trên thì giá cà phê ở Tây Nguyên còn ở mức 7.500 đồng - 8.000 đồng/kg, nhưng hiện nay (cuối tháng 11.2000) giảm xuống chỉ còn 5.500 - 6.000 đồng/kg. Khó mà dự đoán được sau khi tạm trữ một năm thì cho đến vụ thu hoạch cà phê năm tới (2001 - 2002) giá cà phê có lên được hay không, trong khi lượng cà phê lại tăng gấp bội, gây áp lực rủi ro cho cả các doanh nghiệp, các ngân hàng và người sản xuất. Do đó, cần phải có chiến lược dài hạn, tức là thay đổi cơ cấu kinh tế ở Tây Nguyên, nâng cao tính tự chủ của các doanh nghiệp. Đồng thời Chính phủ cần có biện pháp phối hợp với các nước khác có sản lượng xuất khẩu cà phê lớn hình thành một thị trường xuất khẩu cà phê ổn định, tránh bị ép giá và bán ồ ạt.

- Ngân hàng nhà nước xem xét chỉ đạo các ngân hàng thương mại giãn nợ cũ và tiếp tục cho vay mới để hỗ trợ nông dân có vốn thâm canh chăm sóc vườn cây và không phải bán vội cà phê. Đối với doanh nghiệp cần tạm trữ cà phê và mua cà phê xuất khẩu, ngân hàng xem xét giãn nợ cũ và cho vay mới.

- Bộ tài chính xem xét bổ sung vốn lưu động cho các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh có hiệu quả, có lượng tồn kho lớn, có khó khăn trong xuất khẩu để có vốn tiếp tục kinh doanh. Hỗ trợ một phần lỗ cho các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu cà phê có phát sinh lỗ trong 9 tháng đầu năm 1999 mà từ năm 1995 trở về trước có nộp phụ thu xuất khẩu cà phê.

- Về phía người sản xuất, kinh doanh xuất khẩu cà phê thì cần quan tâm đến các vấn đề sau:

+ Nắm bắt phân tích thông tin, nghiên cứu thị trường để có phương thức kinh doanh đúng, đảm bảo hiệu quả. Giảm tốc độ xuất khẩu lại để khỏi bị chèn ép. Phối hợp chặt chẽ để tránh hiện tượng bán phá giá lẫn nhau. Giảm thấp chênh lệch giữa giá bán FOB TP.HCM với giá Luân Đôn.

Cả nhà xuất khẩu và nhà sản xuất có biện pháp "cùng chung sống" với giá cà phê đang thấp thông qua việc giảm giá thành, nâng cao năng suất và chất lượng cà phê xuất khẩu.

- Cần có biện pháp nâng cao chất lượng cà phê xuất khẩu và giữ uy tín cà phê xuất khẩu của VN trên thị trường thế giới.

Kiểm tra trên 100% điểm thu mua cà phê trong dân của các đại lý ở khu vực Tây Nguyên, không có đại lý nào có kho chứa đủ tiêu chuẩn mà chỉ chất đống trong nhà bán, gặp thời tiết mưa, ẩm thấp, cà phê bắt đầu lên men, xuống cấp rất nhanh. Ngay trong các DNNN hệ thống kho tiêu chuẩn cũng chưa có.

Trong các lô cà phê xuất khẩu của VN, tỷ lệ hạt đen, vỡ biến thiên từ 15 - 18%. Tương ứng là kéo theo hàng loạt lỗi khác, như: hạt mốc, hạt lên men, hạt xanh non, hạt nâu... là các mùi vị lạ cũng xuất hiện như: mùi khói, mùi dầu, mùi cống rãnh, mùi hóa chất... sản sinh trong quá trình chế biến. Chất lượng cà phê kém đã làm cho lượng cà phê xuất khẩu giảm, giá thấp, kim ngạch giảm, điều quan trọng hơn là mất uy tín trên thị trường.

Do đó để mặt hàng cà phê VN hội nhập được với cà phê thế giới, có khả năng cạnh tranh và tăng hiệu quả xuất khẩu, tăng thu nhập cho người sản xuất, nhà nước cần công bố tiêu chuẩn cà phê xuất khẩu VN phù hợp với tiêu chuẩn thế giới, hoặc ít ra bằng tiêu chuẩn các nước xuất khẩu cà phê trong khu vực, nhằm làm cho cà phê xuất khẩu ổn định về chất lượng. Các hộ sản xuất trong khâu thu hái, bảo quản, phơi sấy; các nhà kinh doanh trong khâu chế biến, cất trữ cà phê cần chú ý tới các khuyết tật nói trên. Nhà nước cũng cần có chính sách ưu tiên cho nhân dân và các doanh nghiệp vay vốn đầu tư công nghệ chế biến, phơi sấy ■